

Bản án số: 123/2025/KDTM-PT
Ngày: 13/5/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Ông Đào Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2025/KDTM-PT ngày 24/02/2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng thi công”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1423/2025/QĐPT-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4632/2025/QĐ-HPT ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T; địa chỉ: 36 đường D, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Tiến H, sinh năm 1957; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật;

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1; địa chỉ: 170/13 đường Hoàng Văn Thụ, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1962; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1
kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của
Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T do ông Lưu Tiến H là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Tháng 7/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T (gọi tắt là Công ty S.T.H.T) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 (gọi tắt là Công ty H1) ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/05/2016 HT với nội dung: Công ty H1 đồng ý giao cho Công ty S.T.H.T thi công lắp dựng hoàn thiện bồn thép 1500m³ ở Công trình mở rộng khu chứa dầu cảng Côn Đảo tại thành phố Vũng Tàu. Giá trị hợp đồng tạm tính theo khối lượng trong hồ sơ thiết kế (chưa bao gồm thuế VAT) là 51.960kg x 10.000đ/kg = 519.600.000 đồng. Phần tường ngăn lửa, hệ thống phun mưa thanh toán theo khối lượng thực tế. Phương thức thanh toán: thực hiện bằng chuyển khoản. Các công việc phụ trợ khác để hoàn tất công trình và đưa vào sử dụng được, do chưa có hồ sơ thiết kế nên sẽ được tính phát sinh thêm và thanh toán theo khối lượng thực tế sau khi hoàn tất thi công.

Giữa tháng 10/2016, việc thi công hoàn tất, Công ty H1 đã nghiệm thu với chủ đầu tư mà không nghiệm thu với Công ty S.T.H.T và công trình đã được đưa vào sử dụng. Ngày 22/10/2016 Công ty S.T.H.T đã gửi cho Công ty H1 bản vật tư và chi phí nhân công phát sinh thêm với giá trị là 139.843.000đồng (chưa bao gồm thuế VAT) để hai bên quyết toán hợp đồng và giá trị quyết toán hợp đồng là 659.443.000đồng.

Ngày 24/12/2016, Công ty H1 có thông báo cho Công ty S.T.H.T về việc đồng ý với giá trị phát sinh thêm và giá trị quyết toán hợp đồng nên đề nghị Công ty S.T.H.T xuất trước hóa đơn có giá trị 660.000.000 đồng và Công ty H1 đã ký nhận hóa đơn có ký hiệu: AA/11P, số 0000053. Sau đó, Công ty H1 đã chuyển khoản cho Công ty S.T.H.T được tổng số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2016, Công ty H1 gửi cho Công ty S.T.H.T biên bản thanh lý hợp đồng số: 05/TLHĐ – 2016 với giá trị thanh lý là 629.192.740 đồng. Công ty S.T.H.T không đồng ý biên bản thanh lý vì không đúng với giá trị quyết toán ban đầu cũng như có những khoản tiền mặt nguyên đơn không biết và đề nghị Công ty H1 xem xét lại.

Ngày 13/01/2017, Công ty H1 chuyển khoản tiếp cho Công ty S.T.H.T 52.948.740 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty H1 đã chuyển cho Công ty S.T.H.T là 552.948.740 đồng.

Nay Công ty S.T.H.T yêu cầu Công ty H1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng số 02/05/2016-HT và Biên bản thanh lý hợp đồng số 05/TLHĐ-2016 là 139.163.274 đồng (trong đó giá trị xây lắp còn lại là 76.244.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 62.919.274 đồng).

Ngày 19/10/2023, tại biên bản làm việc, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu, cụ thể: nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán số tiền giá trị xây lắp còn lại là 76.244.000 đồng; riêng thuế giá trị gia tăng trước đây nguyên đơn yêu cầu thanh toán 62.919.274 đồng, nay giảm 2.919.274 đồng do phần tiền này nguyên đơn chưa xuất hóa đơn cho bị đơn và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền thuế giá trị gia tăng 60.000.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 136.244.000 đồng và đề nghị bị đơn trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty S.T.H.T chấp nhận với giá trị thanh lý hợp đồng: 629.192.740 đồng nên yêu cầu Tòa án buộc Công ty H1 thanh toán ngay số tiền còn nợ là 136.244.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán cũng như không yêu cầu phạt vi phạm.

2. Theo các bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 do ông Nguyễn Đình D là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty H1 thừa nhận ngày 08/7/2016 có ký kết hợp đồng kinh tế số 02/05/2016HT có giá trị tạm tính là 519.600.000 đồng đúng như phía nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bản hợp đồng đã ký tên đóng dấu có một số nội dung không đúng với hợp đồng ban đầu do bị đơn đã soạn thảo và gửi qua thư điện tử cho nguyên đơn. Ngoài hợp đồng này, hai bên không ký thêm phụ lục hợp đồng cho những khoản chi phí phát sinh hay giấy tờ gì khác. Hai bên cũng chưa thanh lý hợp đồng do nguyên đơn không đồng ý ký biên bản thanh lý hợp đồng số 05/TLHD – 2016 ngày 31/12/2016 mà bị đơn đã soạn thảo, ký tên đóng dấu và gửi cho nguyên đơn. Tại biên bản thanh lý có phần tiền mặt mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H1 đã chuyển khoản cho Công ty S.T.H.T tổng số tiền 552.948.740 đồng. Giá trị hợp đồng là 519.600.000 đồng cộng thêm 10% thuế VAT là 571.560.000 đồng, như vậy Công ty H1 chỉ còn nợ Công ty S.T.H.T số tiền 18.611.260 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty H1 xác nhận đã làm biên bản thanh lý hợp đồng, ký tên đóng dấu Công ty H1 mà không lập biên bản nghiệm thu công trình và đồng ý với giá trị thanh lý hợp đồng: 629.192.740 đồng, bị đơn cũng đã chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền 552.948.740 đồng; trả tiền mặt tại công trường, trả tiền điện, ứng cho đội thợ, trả hộ tiền vay, tiền sơn phủ ngoài bồn, tiền thuê máy bơm nước thử tải bồn với tổng số tiền: 95.923.400 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn đã chuyển khoản và trả tiền mặt nhiều hơn giá trị thanh lý hợp đồng, lẽ ra bị đơn yêu cầu nguyên đơn hoàn trả phần tiền chênh lệch nhưng bị đơn không yêu cầu. Vì vậy, bị đơn hoàn toàn không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số

tiền còn nợ là 136.244.000 đồng, bao gồm: tiền nợ thi công công trình 76.244.000 đồng và thuế giá trị gia tăng 60.000.000 đồng

Ghi nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T không yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 trả tiền lãi trên số tiền còn nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/9/2024 nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là vi phạm tố tụng. Ngoài ra về nội dung, Cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Biên bản thanh lý hợp đồng số 05/TLHD-2016 ngày 31/12/2016 mà vẫn căn cứ chứng cứ này để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là gây thiệt hại cho bị đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố để tính lãi chậm thi hành án là chưa phù hợp với quy định nên cần thiết được cấp phúc thẩm điều chỉnh theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 30/9/2024. Ngày 14/10/2024, bị đơn Công ty H1 nộp đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty S.T.H.T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty H1 thanh toán tiền còn thiếu theo hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết giữa hai bên. Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng, đây là tranh chấp giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn Công ty H1 có trụ sở tại quận Phú Nhuận nên Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty H1 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng xét xử khi vắng mặt nguyên đơn:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa ngày 27/9/2024

Trong các ngày 27 và 30/9/2024, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06/9/2024. Tại phiên tòa ngày 27/9/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Tiến Huân vắng mặt, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải hoãn phiên tòa do đương sự vắng mặt lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huân nêu rõ ý kiến là đồng ý về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông vào ngày 27/9/2024, ngoài ra ông Huân xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2024 thì Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng và tranh luận đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, bản án sơ thẩm ghi nhận sự có mặt của nguyên đơn là đúng. Xét, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn vào phiên tòa ngày 27/9/2024 của cấp sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, việc xét xử không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Vì vậy, kháng cáo này của bị đơn là không đủ cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về việc bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét các khoản tiền mặt mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn và không trừ khoản tiền này vào tổng giá trị thanh lý hợp đồng là thiệt hại cho bị đơn:

Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên, có cơ sở để xác định nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/05/2016HT ngày 08/7/2016, hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Tại mục 2.1 Điều 2 của hợp đồng quy định: “- *Giá trị hợp đồng tạm tính theo khối lượng trong hồ sơ thiết kế (chưa bao gồm thuế VAT).... = 519.600.000 đồng...*”

- *Phân tương ngăn lửa, hệ thống phun mưa thanh toán theo khối lượng thực tế.*”

Tại “Biên bản thanh lý hợp đồng” số 05/TLHD-2016 ngày 31/12/2016 (có chữ ký của giám đốc Nguyễn Đình Dũng và đóng dấu của Công ty H1) đã thể hiện nội dung: giá trị hợp đồng là 519.600.000 đồng; giá trị thanh lý hợp đồng là 629.192.740 đồng. Bị đơn cho rằng phía bị đơn chưa phát hành “Biên bản thanh lý hợp đồng” trên và nguyên đơn chưa ký nhận nên không thể căn cứ chứng cứ này để xác định giá trị thanh lý hợp đồng là 629.192.740 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chính bị đơn xác nhận “Biên bản thanh lý hợp đồng” là do phía bị đơn soạn thảo và ký tên, đóng dấu với mục đích báo cáo thuế (bút lục 227). Như vậy, mặc dù, phía bị đơn không thừa nhận giá trị thi công thực tế của hợp đồng là 629.192.740 đồng nhưng không cung cấp được biên bản nghiệm thu công trình hay tài liệu nào khác để chứng minh giá trị thi công thực tế là 519.600.000 đồng theo hợp đồng thi công đã ký kết, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 629.192.740 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng trên hóa đơn đã xuất. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 552.948.740 đồng, bị đơn còn phải trả số tiền là 76.244.000 đồng.

Đối với số tiền thuế giá trị gia tăng, các bên thỏa thuận giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT, do đó bị đơn phải chịu khoản thuế VAT trên hóa đơn mà nguyên đơn đã xuất cho bị đơn. Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000053 ngày 24/12/2016 số tiền là 66.000.000 đồng được Công ty S.T.H.T xuất cho Công ty H1 nên Công ty H1 có nghĩa vụ chịu khoản thuế VAT là 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng đã đưa tiền mặt cho nguyên đơn tổng cộng là 76.244.000 đồng và yêu cầu căn trừ số tiền này vào giá trị thanh lý hợp đồng nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến nay bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc nguyên đơn nhận tiền và nguyên đơn cũng không thừa nhận đã nhận của bị đơn khoản tiền mặt trên. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm có thiếu sót cần khắc phục như sau: tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên mức lãi suất đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 của Luật Thương mại cho phù hợp.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005
- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số tiền còn nợ là 136.244.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), bao gồm: tiền nợ thi công công trình 76.244.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và thuế giá trị gia tăng 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T không yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 trả tiền lãi trên số tiền còn nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.3 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.812.200 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

- Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.479.000 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08005 ngày 16/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029935 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

2. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ phút ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh.

Thẩm phán: 1. Ông Đào Quốc Thịnh

2. Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Tiến hành nghị án Vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 65/2025/KDTM-PT ngày 24/02/2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng thi công”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T; địa chỉ: 36 đường Dương Bá Trạc, Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Tiến Huân, sinh năm 1957; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật;

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1; địa chỉ: 170/13 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Dũng, sinh năm 1962; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005
- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Biểu quyết 3/3

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1308/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số tiền còn nợ là 136.244.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), bao gồm: tiền nợ thi công công trình 76.244.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và thuế giá trị gia tăng 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T không yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 trả tiền lãi trên số tiền còn nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.3 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.812.200 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

- Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.479.000 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08005 ngày 16/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029935 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

2. Về án phí: Biểu quyết 3/3:

2.1 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu án phí

kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.812.200 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

- Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.T.H.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.479.000 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08005 ngày 16/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029935 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự: Biểu quyết 3/3: Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: biểu quyết 3/3: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 13 tháng 5 năm 2025.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Anh